

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 169/2024/DS-GĐT

Ngày: 17/6/2024

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 08 thành viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia xét xử, do ông Bùi Đức Xuân, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa theo sự ủy nhiệm của Chánh án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng, Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Bằng, Thẩm tra viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp di sản thừa kế*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Trương Thị D**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp 1, xã PH, huyện CB, tỉnh B.

1.2. Ông **Trương Văn H**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ 53, phường TH, thành phố TM, tỉnh B.

1.3. Ông **Trương Văn H1**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu phố MP, phường TP, thành phố Đ, tỉnh P.

1.4. Bà **Trương Thị S**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 9, Khu phố 4, ấp L 2, xã MC, thành phố TM, tỉnh B.

1.5. Ông **Trương Văn H2**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn TP, xã R, huyện R, tỉnh P.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng V** (Nguyễn Thị Hồng V) sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn TP, xã R, huyện R, tỉnh P.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường BT, thành phố Đ, tỉnh P.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh P. Địa chỉ: Đường ĐT 741, xã R, huyện R, tỉnh P.

3.3. Ủy ban nhân dân xã R, huyện R tỉnh P. Địa chỉ: Đường ĐT 741, xã R, huyện R, tỉnh P.

3.4. Ông Trương Phú **C**, sinh năm 1983;

3.5. Ông Trương Minh **T**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn TP, xã R, huyện R, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các nguyên đơn là bà Trương Thị D, ông Trương Văn H, ông Trương Văn H1, bà Trương Thị S và ông Trương Văn H2 thống nhất trình bày:

Cụ Đinh Thị **N** (chết năm 1976) và cụ Trương Văn **M** (chết năm 2003) có 05 người con chung gồm các ông, bà: Trương Thị D, Trương Văn H (sinh năm 1962), Trương Văn H1, Trương Thị S, Trương Văn H2 (sinh năm 1973). Sau khi cụ N chết, năm 1983 cụ M chung sống với bà Nguyễn Thị Hồng V (tên gọi khác Ngụy Thị Hồng V), cụ M và bà V có 02 người con chung là Trương Phú C và Trương Minh T.

Năm 1976 cụ N chết, không để lại di chúc, di sản để lại là toàn bộ tài sản chung của cụ M và cụ N cùng các con tạo lập được từ năm 1972 là tổng diện tích đất 24.440m² (số liệu các thửa cộng lại là 24.441m²) tọa lạc tại thôn TP, xã R, huyện R, tỉnh P, gồm:

1/ Thửa đất số 30a, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.764m²; Thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.491m²; Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.495m²; Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.691m². Các thửa đất này đều tọa lạc tại thôn TP, xã R, huyện R, tỉnh P và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây viết tắt là GCNQSDĐ*) cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

2/ Thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.143m², tọa lạc tại thôn HT, xã BN, huyện R, tỉnh P, đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Phú C.

Tài sản chung của cụ M với bà V gồm:

1/ Diện tích 20.195m² (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 01/9/2012 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện BM), nay bà V khai phá thêm nên diện tích đất tăng thành 41.501,8m², thửa đất số 58 tại thôn PT, xã R, huyện R, tỉnh P. Hiện do ông Trương Minh T kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ.

2/ Diện tích 31.696,4m² đất nằm trong tổng diện tích đất 61.497,2m², thuộc thửa đất số 39, tại thôn PT, xã R, huyện R, tỉnh P. Hiện do ông Trương Phú C kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ.

Năm 2003 cụ M chết, không để lại di chúc. Sau khi các nguyên đơn khởi kiện thì bà Nguyễn Thị Hồng V cung cấp di chúc chung giữa cụ Trương Văn M với bà

Nguyễn Thị Hồng V ngày 17/7/1996 về việc để lại tài sản chung với nội dung để lại diện tích đất 4.000m² và căn nhà bán kiên cố cho Trương Minh T; diện tích đất 7.000m² trồng cây cao su cho Trương Phú C và diện tích đất 7.000m² trồng cây điều cho Trương Văn H.

Các nguyên đơn cho rằng di chúc ngày 17/7/1996 là vô hiệu vì các tài sản nêu trong di chúc là của cụ M và cụ N, không phải tài sản chung của cụ M với bà V; Tài sản được cấp quyền sử dụng đất ngày 10/3/1997 nhưng ngày 17/7/1996 lập di chúc định đoạt tài sản là không đúng; Chữ viết và chữ ký Trương Văn M trong bản di chúc ngày 17/7/1996 không phải là chữ của cụ M... Tuy nhiên, các nguyên đơn không yêu cầu làm thủ tục giám định.

Các nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu:

1. Hủy bỏ tờ di chúc ngày 17/7/1996.

2. Hủy các GCNQSDĐ số X428835 ngày 03/9/2003 cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng V; GCNQSDĐ số H 581718 ngày 10/3/1997 cấp cho hộ ông Trương Văn M và GCNQSDĐ số vào sổ 2421/ĐS ngày 01/12/2004 cấp cho ông Trương Phú C.

3. Yêu cầu chia phần di sản thừa kế trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Trương Văn M và cụ Đinh Thị N theo quy định của pháp luật đối với :

- Thừa đất số 30a, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.764m²; thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.491m²; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.495m²; thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.691m². Các thửa đất này đều tọa lạc tại thôn TP, xã R, huyện R, tỉnh P và đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

Yêu cầu Tòa án tuyên 02 thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.143m², tọa lạc tại thôn HT, xã BN, huyện R, tỉnh P, đã được cấp GCNQSDĐ số vào sổ 2421/ĐS ngày 01/12/2004 cho ông Trương Phú C, trên đất trồng cây cao su và 02 ngôi mộ trên đất là tài sản chung không chia, để dùng làm nơi thờ cúng chung.

4. Chia các tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Trương Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng V theo pháp luật thừa kế đối với:

- Diện tích 20.195m² (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 01/9/2012 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện BM), bà V khai phá thêm nên diện tích đất tăng thành 41.501,8m², thửa đất số 58 tại thôn PT, xã R, huyện R, tỉnh P. Hiện do ông Trương Minh T kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ.

- Diện tích 31.696,4m² đất nằm trong tổng diện tích đất 61.497,2m², thuộc thửa đất số 39 tại thôn PT, xã R, huyện R, tỉnh P. Hiện do ông Trương Phú C kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc buộc bị đơn phải trả lại phần thu lợi hoa màu trên các thửa đất tranh chấp kể từ năm 2003 đến nay.

Ngày 14/3/2019, các nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện bổ sung (lần 2), đề nghị:

Tuyên hủy GCNQSDĐ số CD741542 số vào sổ cấp GCN 02683/CDOI thuộc thửa số 6, tờ bản đồ 28, diện tích 7.019,1m² cấp ngày 27/09/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng V; Hủy GCNQSDĐ số CD741543 số vào sổ cấp GCN 02684/CDOI thuộc thửa số 9, tờ bản đồ 18, diện tích 13.636m² cấp ngày 27/09/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng V; Hủy GCNQSDĐ số CD741544 số vào sổ cấp GCN 02685/CDOI thuộc thửa số 26, tờ bản đồ 18, diện tích 3.601,2m² cấp ngày 27/09/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

Ngày 22/10/2019, các nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện bổ sung (lần 3) như sau:

- Rút yêu cầu hủy các GCNQSDĐ.

- Yêu cầu Tòa án chia lại diện tích đất có hai ngôi mộ diện tích 275m² tại thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.143m², tọa lạc tại thôn HT, xã BN, huyện R, tỉnh P để làm tài sản chung cho các đồng thừa kế.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

1. *Diện tích đất 1.764m², thuộc thửa số 30a, tờ bản đồ số 10:* Năm 1982 cụ M đón bà về sống cùng các con riêng của cụ M trên diện tích đất này, khi đó tài sản trên đất khi đó có 01 căn nhà tranh bằng tre. Năm 1982, cụ M có ý định đi Campuchia nên đã cho cụ Đỗ Thị T1 (cụ L), do bà không đồng ý đi cùng cụ M nên bà sang xin cụ L lại thửa đất này để ở và cụ L đã cho bà.

2. *Diện tích đất 1.940m², thuộc thửa số 31b, tờ bản đồ số 10:* Trước năm 1997, đường đi qua suối Rạt chỉ có cây cầu sắt và bên dưới là đường ngầm. Năm 1997, Nhà nước làm cầu bê tông và nắn lại con đường ĐT 741 như hiện nay, bỏ lại diện tích đất 1.940m² nên bà và cụ M đã lấy sử dụng, canh tác. Năm 2005 bà làm đơn xin Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã R cho đổ đất san lấp mặt bằng như hiện nay.

3. *Diện tích đất 6.691m², thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 25:* Khoảng năm 1989, bà V và cụ M cùng khai phá, canh tác diện tích khoảng 15.000m² do người khác bỏ hoang. Năm 1996 bà V có đơn xin UBND xã R cho khai phá trồng cây điều và chia cho ông Trương Văn H1 diện tích hơn 7.000m². Bà không yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất đã cho ông H1.

4. *Diện tích đất 14.495m², thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 11:* Khoảng năm 1989, bà và cụ M cùng khai phá, canh tác diện tích này do người khác bỏ hoang và trồng cây cao su khoảng năm 2008 đến nay, đất được UBND huyện Phước Long (cũ) cấp quyền sử dụng diện tích đất 24.440m² (24.441m²) theo GCNQSDĐ số H 581718 (số vào sổ 906/QSDĐ) ngày 10/3/1997 cho hộ cụ Trương Văn M theo hộ khẩu xin cấp đất gồm có 04 người: cụ Trương Văn M; bà Nguyễn Thị Hồng V; ông Trương Phú C và ông Trương Minh T.

Sau khi cụ M chết, năm 2003 bà làm thủ tục thừa kế toàn bộ diện tích đất 24.440m² (24.441m²) này và được cấp GCNQSDĐ số X428835 ngày 03/9/2003 cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

5. *Diện tích đất 1.143m² (trong đó có 400m² đất thổ cư), thuộc thửa số 87 và 88, tờ bản đồ số 41:* Năm 1982 đã có ngôi mộ của cụ N trên đất. Năm 1997, đất này được cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Mạnh Tường. Do khi còn sống, cụ M có xin ông Tường là sau khi chết thì cho xin đất để chôn cùng với cụ N và ông Tường đồng ý. Sau khi cụ M chết gia đình có chôn cụ M bên đất nhưng sau khi chôn cất được khoảng một tuần thì vợ và con ông Tường không đồng ý nên bà phải gom tiền để mua lại đất với số tiền là 9.000.000 đồng. Hiện nay diện tích đất này đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Phú C.

6. *Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 6, diện tích 41.501,8m²:* Đất đã được đo đạc chính quy, hiện do ông Trương Minh T kê khai đăng ký nhưng chưa được xét duyệt cấp GCNQSDĐ. Nguồn gốc đất là khoảng tháng 6/2003, bà V và các con là Trương Phú C, Trương Minh T mua của ông Điều Hư với giá 5.000.000 đồng, khi mua trên đất có cây điều còn nhỏ khoảng 01ha, bà V và các con C, T khai phá trồng thêm cây điều năm 2004 và trồng cây cao su năm 2013 - 2014.

7. *Diện tích 31.696,4m², thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 9:* Đất hiện do ông Trương Phú C kê khai đăng ký nhưng chưa được xét duyệt cấp GCNQSDĐ, nguồn gốc đất mua của ông Điều Triết và ông Điều Yên (không nhớ rõ ngày tháng năm mua bán và số tiền bao nhiêu). Khi mua, trên đất có trồng cây điều chưa được thu hoạch, cây trồng trên đất hiện nay không thay đổi.

8. Về việc lập di chúc ngày 17/7/1996:

Năm 1996, bà V và cụ Trương Văn M có lập di chúc để định đoạt những tài sản chưa được cấp quyền sử dụng đất gồm có:

- + Diện tích đất 4.000m² và căn nhà bán kiên cố cho Trương Minh T;
- + Diện tích đất 7.000m² trồng cây cao su cho Trương Phú C;
- + Diện tích đất 7.000m² trồng cây điều cho Trương Văn H.

Nội dung di chúc là do cán bộ xã lập giúp theo sự định đoạt của cụ M và bà. Tuy việc định đoạt tài sản trong di chúc khi chưa được cấp quyền sử dụng đất và việc miêu tả các thửa đất có mâu thuẫn, nhưng vẫn có giá trị pháp lý, vì đây là quyền định đoạt của cụ M khi đó và việc nhầm lẫn về các thửa đất cũng chỉ nhầm lẫn giữa di sản cho ông C và ông T.

Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện R: Tại Công văn số 260/UBND-SX ngày 03/03/2017, UBND huyện R khẳng định tính pháp lý của cả 02 GCNQSDĐ cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Trương Phú C tại thời điểm cấp đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P: Thủ tục cấp, cấp đổi GCNQSDĐ cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng V được thực hiện đúng quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã R: Có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai.

Ông Trương Phú C, ông Trương Minh T: Thống nhất về lời trình bày của bà V và không có ý kiến bổ sung gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh P đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

1. Chia cho các đồng nguyên đơn được quyền quản lý sử dụng diện tích 7.019,1m² cùng toàn bộ tài sản trên đất, đất được cấp Giấy chứng nhận số CD741542 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 27/9/2017 mang tên bà Nguyễn Thị Hồng V.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V giao lại quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất nêu trên cho các đồng nguyên đơn. Bà Trương Thị D đại diện của các đồng nguyên đơn nhận di sản này.

1.3. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Trương Phú C và ông Trương Minh T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tương đương số tiền 568.750.000 đồng cho các đồng nguyên đơn. Bà Trương Thị D đại diện cho các đồng nguyên đơn nhận di sản.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Trương Phú C và ông Trương Minh T được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất cùng toàn bộ tài sản trên đất:

2.1. Thửa đất số 30a, diện tích 1.764m², tọa lạc tại thôn TP, xã R, huyện R (nay là thửa đất số 27, tờ bản đồ số 18, diện tích đo đạc mới là 2307,9m²) đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp GCNQSDĐ số CD741577 ngày 27/9/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

2.2. Thửa đất số 31b, diện tích 1.491m², tọa lạc tại thôn TP, xã R, huyện R (nay là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 18, diện tích đo đạc mới là 3.601,2m²) đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp GCNQSDĐ số CD741544 ngày 27/9/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

2.3. Thửa đất số 12, diện tích 14.495m², tọa lạc tại thôn TP, xã R, huyện R (nay là thửa đất số 9, tờ bản đồ số 18, diện tích đo đạc mới là 13.636m²) đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp GCNQSDĐ số CD741543 ngày 27/9/2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

2.4. Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Trương Phú C và ông Trương Minh T được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 2,6ha và toàn bộ tài sản trên đất nằm trong tổng diện tích 41.501,8m² (nằm trong tổng diện tích 61.497,2 m², thuộc thửa đất số 39 và thửa số 56, tờ bản đồ số 9) tại thôn PT, xã R, huyện R (thửa đất ký hiệu số 5,6).

[3] Công nhận diện tích đất 275,5m² trên đất có hai ngôi mộ và 01 cây gỗ mật, nằm trong tổng diện tích 1.143m² đã được cấp GCNQSDĐ số vào sổ 2421/ĐS ngày

01/12/2004 do UBND huyện Phước Long (cũ) cấp cho ông Trương Phú C, đất tọa lạc tại thôn HT, xã BN, huyện R là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ M, cụ N để làm nơi thờ tự. Diện tích đất và tài sản trên đất còn lại chia cho bà V, ông C và ông T được quyền quản lý, sử dụng (Có sơ đồ kèm theo).

[4] Các đồng nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trương Phú C số tiền 19.280.000 đồng.

[5] Tuyên hủy di chúc lập ngày 17/7/1996 của ông Trương Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng V (Tên gọi khác Ngụy Thị Hồng V) được UBND xã R xác nhận ngày 19/7/1996.

[6] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy các GCNQSDĐ số X428835 ngày 03/09/2003; số: CD741542 ngày 27/09/2017; số CD741543 ngày 27/09/2017; số CD741544 ngày 27/09/2017 mang tên bà Nguyễn Thị Hồng V.

[7] Các tài sản của các nguyên đơn được chia, được giao cho bà Trương Thị D đại diện nhận. Các đồng nguyên đơn có quyền tự thỏa thuận phân chia với nhau, trường hợp không tự phân chia được thì có quyền khởi kiện ra Tòa án bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Các tài sản mà bên bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Trương Phú C và ông Trương Minh T được chia, bà V, ông C và ông T có quyền tự thỏa thuận phân chia với nhau, trường hợp không tự phân chia được thì có quyền khởi kiện ra Tòa án bằng một vụ án dân sự khác.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký, cấp đổi lại GCNQSDĐ theo quy định.

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 20/6/2022, bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Trương Phú C, ông Trương Minh T kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 105/2022/DS-PT ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh P quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Phú C, ông Trương Minh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra Bản án phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và hiệu lực thi hành.

Ngày 14/11/2022, bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Trương Phú C, ông Trương Minh T có đơn đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm.

Tại quyết định số 149/QĐ-VKS-DS ngày 28/6/2023, Viện trưởng Viện kiểm

sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nói trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 105/2022/DS-PT ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 16/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh P, để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về việc chia di sản thừa kế: Tài sản các bên tranh chấp gồm 07 tài sản là quyền sử dụng đất gồm: (1) thửa đất số 30a, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.764m²; (2) thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.491m²; (3) thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.495m²; (4) thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.691m². Các thửa đất này đều tọa lạc tại thôn TP, xã R, huyện R, tỉnh P và đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hồng V; (5) diện tích 20.195m² trong tổng diện tích đất 41.501,8m² thuộc thửa đất số 58 do ông Trương Minh T đang kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ; (6) diện tích 31.696,4m² đất nằm trong tổng diện tích đất 61.497,2m² thuộc thửa đất số 39 do ông Trương Phú C đang kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ. 02 diện tích đất này đều tọa lạc tại thôn PT, xã R, huyện R, tỉnh P; (7) diện tích 1.143m² thuộc thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại thôn HT, xã BN, huyện R, tỉnh P, đã được cấp GCNQSDĐ số vào sổ 2421/ĐS ngày 01/12/2004 cấp cho ông Trương Phú C, trên đất trồng cây cao su và 02 ngôi mộ trên đất.

[1.1] Đối với 04 thửa đất số (1) thửa đất số 30a, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.764m²; (2) thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.491m²; (3) thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.495m²; (4) thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.691m²: Căn cứ hồ sơ đã được Hội đồng xét duyệt đất xã R kiểm tra, phê duyệt và được UBND huyện Phước Long (cũ), tỉnh P chứng nhận thì các thửa đất này được khai phá từ năm 1972 và được Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ M vào năm 1997, lúc đó hộ gia đình cụ M gồm cụ Trương Văn M, bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Trương Phú C và ông Trương Minh T.

Năm 1976 cụ N chết. Năm 1982, bà V về chung sống với cụ M, thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ M thì cụ M và bà V đang tồn tại quan hệ hôn nhân thực tế. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập, căn cứ lời khai của các bên đương sự thì không có cơ sở xác định chính xác tài sản nào là tài sản chung của cụ M với cụ N; tài sản nào là tài sản chung của cụ M và bà V; cũng không có căn cứ xác định công sức đóng góp của cụ M, cụ N và bà V vào khối tài sản này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản là quyền sử dụng 04 thửa đất nêu trên là sở hữu chung của cụ M, cụ N và bà V, chia 04 thửa đất trên làm 03 phần bằng nhau cho cụ M, cụ N, bà V là phù hợp với thực tế và đảm bảo sự công bằng cho các bên đương sự.

[1.2] Đối với thửa đất số (5) diện tích 20.195m² trong tổng diện tích đất 41.501,8m² thuộc thửa đất số 58 do ông Trương Minh T đang kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ và thửa đất số (6) diện tích 31.696,4m² đất nằm trong tổng diện tích đất 61.497,2m² thuộc thửa đất số 39 do ông Trương Phú C đang kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ: Căn cứ biên bản đối chất ngày 24/04/2008; các biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2008, ngày 25/9/2008 và ngày 27/10/2007 thì ông Điều Hư đều khẳng định bán đất cho ông Ba M chứ không bán riêng cho bà V; người làm chứng là ông Điều Ớt có lời khai ngày 27/10/2017, khẳng định thời gian bán đất cho cụ M là vào năm 1999; tại biên bản làm việc tại UBND xã R ngày 19/6/2007, bà V khẳng định đây là tài sản chung của bà và cụ M. Ngoài ra, bà V không có chứng cứ khác chứng minh bà mua đất của ông Điều Hư sau khi cụ M chết. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản chung của cụ M, bà V đối với mỗi thửa đất số (5), (6) này là 01ha, xác định di sản của cụ M để lại là ½ và chia di sản của cụ M theo pháp luật là có căn cứ.

[1.3] Đối với thửa đất số (7) diện tích 1.143m² thuộc thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại thôn HT, xã BN, huyện R, tỉnh P, đã được cấp GCNQSDĐ số vào sổ 2421/ĐS ngày 01/12/2004 cấp cho ông Trương Phú C, trên đất trồng cây cao su và 02 ngôi mộ trên đất: Bà V cho rằng thửa đất này mua lại của ông Hoàng Mạnh Tường vào năm 2003 sau thời gian cụ M chết. Tuy nhiên, ông Tường không thừa nhận và khẳng định bán đất cho cụ M và nhận tiền từ ông Trương Văn H2 (1973) và bà Nguyễn Thị Hồng V, không bán cho bà Nguyễn Thị Hồng V và không phải nhận tiền từ anh Trương Minh T hoặc anh Trương Phú C. Hơn nữa, phần mộ của cụ N đã được chôn cất trên diện tích đất nêu trên từ năm 1976 nên việc nguyên đơn trình bày cụ M mua lại phần đất của ông Tường nhằm mục đích sau khi chết thì được chôn chung với cụ N là phù hợp với lời trình bày của ông Tường. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng đất này là tài sản chung của vợ chồng cụ M, bà V, giao phần diện tích đất 275,5m² cho các đồng thừa kế của cụ M và cụ N nhằm để gìn giữ, chăm sóc phần mộ của cha mẹ là có căn cứ và phù hợp với phong tục tập quán và đạo đức xã hội.

[2] Về việc hủy di chúc: Cụ Trương Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng V lập di chúc chung ngày 17/7/1996, định đoạt 03 tài sản là quyền sử dụng đất, cụ thể: Diện tích 4.000m² đất và căn nhà bán kiên cố cho ông Trương Minh T; diện tích 7.000m² đất trồng cây cao su cho ông Trương Phú C; diện tích 4.000m² đất trồng cây điều cho ông Trương Văn H. Như vậy, di chúc đã định đoạt cả phần tài sản của cụ N; khi cụ M và bà V định đoạt các tài sản này thì không có sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ N; Mặt khác, nội dung di chúc mô tả di sản để lại thừa kế không rõ ràng, người được hưởng di sản thừa kế không cụ thể họ tên, năm sinh dẫn đến việc không xác định được người hưởng di sản (cụ M và cụ N có 02 người con chung là Trương Văn H sinh năm 1962 và Trương Văn H2 sinh năm 1973). Căn cứ vào các Điều 655, Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 1995 thì di chúc này là không hợp pháp. Mặc dù các nguyên đơn có rút yêu cầu hủy di chúc nhưng các nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật trong vụ án, yêu cầu này lớn hơn yêu cầu hủy bỏ di

chúc. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm hủy di chúc và chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng nghị số 149/QĐ-VKS-DS ngày 28/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 105/2022/DS-PT ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế” giữa các nguyên đơn bà Trương Thị D, ông Trương Văn H (sinh năm 1962), ông Trương Văn H1, bà Trương Thị S, ông Trương Văn H2 (sinh năm 1973) với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V (Nguyễn Thị Hồng V) cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P, Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh P, Ủy ban nhân dân xã R, huyện R tỉnh P, ông Trương Phú C, ông Trương Minh T.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

-Đ/c Chánh án TANDTC;
-Vụ PC&QLKH;
-VKSNDCC tại TP.HCM;
-TAND tỉnh P;
-Chi cục THADS R;
-Các đương sự (theo địa chỉ);
-Lưu VP, Phòng GDKT III,
HS; THS (THB).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân